TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH Đ** **TỈNH BẾN TR**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: **101**/2018/ HNGĐ- ST
Ngày: 14/12/2018
Về việc: " Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH Đ, TỈNH BẾN TR

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tính.

2. Ông Đặng Hoàng Mích.

Thư ký phiên toà: Ông Võ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tr.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đ tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2018, tại Hội trường xét xử của Toà án nhân dân huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tr xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 378/2018/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 08 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2018. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thu S**, sinh năm 1991 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp Vinh T, xã Vang Quới Đ, huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tr.
Bị đơn: **Huỳnh Văn Th**, sinh năm 1973 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Vinh Th, xã Vang Quới T, huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 16 tháng 08 năm 2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu S trình bày:

Chị cùng với anh Huỳnh Văn Th tự nguyện kết hôn vào tháng 04 năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vang Quới T, huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tr và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/5/2018. Quá trình sống chung vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã dẫn đến vợ chồng đã ly thân từ tháng 06 năm 2018 cho đến ngày nay. Hiện tại, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Th nữa nên yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết những vấn đề sau đây:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn Th.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Huỳnh Văn Th, tuy nhiên anh Th không đến Tòa án nên không thu thập được lời khai của anh Th.

** Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và thực hiện đúng theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Huỳnh Văn Th không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, nhận thấy:

- Quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh Th là hợp pháp, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẩn từ nguyên nhân không thể hòa hợp được nên đã không còn chung sống với nhau. Mặc khác, anh Th không đến Tòa án để tham gia hòa giải điều đó cho thấy anh Th đã bỏ mặc cuộc hôn nhân này. Nhận thấy: Hôn nhân giữa chị S và anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S yêu cầu ly hôn với anh Th là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Huỳnh Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không gì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Th là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh Th kết hôn với nhau vào tháng 04 năm 2018 và có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Từ tháng 06/2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Chị S, anh Th mỗi người ai cũng có cuộc sống riêng và không quan tâm đến nhau, đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng.

Xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh Th là rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của chị S là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội Nghị quyết quy định về mức thu, miễm giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị S phải chịu án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội Nghị quyết quy định về mức thu, miễm giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Thu S với anh Huỳnh Văn Th

2/ Về con chung: Không có.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Thu S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị S đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019216 ngày 16/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tr. Vậy, chị S đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Huỳnh Thị Thu S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng anh Huỳnh Văn Th vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tr (Phòng KTNV& THA);
- VKSND huyện Bình Đ;
- Chi cục THADS huyện Bình Đ;
- UBND xã Vang Quới T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Loan